Lạm phát năm 2008 và 2009
Triển vọng kinh tế Việt Nam

TS. Nguyễn Minh Phong
Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội

Tình hình kinh tế Việt Nam nửa đầu năm 2008 đã xuất hiện nhiều động thái mới, phức tạp hơn năm 2007, với những điểm nổi bật, như :

Một mặt, *tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại đáng kể; giá cả thị trường tăng liên tục với tốc độ cao* (giá tiêu dùng tháng 1 so với tháng trước tăng : 2,38%; tháng 2: 3,56%; tháng 3: 2,99%; tháng 4: 2,2%, còn tháng 5/2008 : 3,91%, tăng cao nhất trong 5 tháng đầu năm nay ; tháng tư tăng 2,14% và giá tiêu dùng tháng 6/2008 tăng xấp sỉ 27% so với tháng 6/2007... trong khi lạm phát trong năm 2007 đạt trên 12,5%; *mức nhập siêu cao nhất trong nhiều năm qua; môi trường đầu tư sản xuất-kinh doanh bị giảm sức cạnh tranh*; *đời sống của đa số người dân ngày càng khó khăn hơn, các vấn đề xã hội gia tăng áp lực* (thời điểm 21/5/2008, cả nước có 181,6 nghìn hộ thiếu đói với 766,9 nghìn nhân khẩu bị thiếu đói, chiếm 1,6% tổng số hộ và 1,5% số nhân khẩu nông nghiệp của cả nước. So với cùng kỳ năm trước, số hộ thiếu đói gấp 2,1 lần; số nhân khẩu thiếu đói gấp 1,9 lần)...

Mặt khác, đã và vẫn có nhiều dấu hiệu khả quan về trung hạn, như vẫn duy trì được nhịp độ tăng trưởng khá cao so với các nước trong khu vực, được mùa lúa, nhập siêu và mức lạm phát trong thời gian gần đây có dấu hiệu chậm lại, đặc biệt kết quả thu hút FDI đạt mức kỷ lục chưa từng có trong lịch sử đất nước : vốn đăng ký trong 6 tháng đầu năm 2008 đạt 31,6 tỷ USD, gấp 3,7 lần cùng kỳ năm trước, vượt 48% so với mức 21,3 tỷ USD của cả năm 2007...

Về triển vọng, dự kiến FDI đăng ký cả năm

2008 sẽ đạt khoảng 45 tỷ USD, tức gấp hơn 2 lần mức năm 2007 và bằng hơn 80% tổng cộng vốn FDI đăng ký của các năm từ 1988 đến hết 2005 (là 6.936 dự án với số vốn đăng ký 54.573 triệu USD, số vốn thực hiện 30.425 triệu USD, đạt tỷ lệ 55,8%)... Hơn nữa, cần nhấn mạnh rằng, thực tế cho thấy đang và sẽ xuất hiện ngày càng nhiều những dự án FDI siêu lớn, tạo sự thay đổi về chất trong quá trình mở cửa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, cũng như thể hiện hùng hồn nhất sự tin tưởng vào triển vọng tốt đẹp của nền kinh tế Việt Nam từ cộng đồng doanh nhân thế giới ...

Mặc dầu vậy, trước mắt Việt Nam còn phải xử lý nhiều vấn đề phức tạp: tiếp tục đối diện với tình trạng lạm phát cao tới 2 con số kéo dài hết năm 2008 và 2009, thậm chí sang nửa đầu năm 2010; một mặt bằng giá mới trong nước đang hình thành và sẽ ổn định ở mức cao, mặc dù sẽ khó có khả năng lạm phát phi mã tiêu cực hoặc đột biến nguy hiểm lớn, gây đổ vỡ hay ngưng trệ nền kinh tế nước ta. Dự kiến năm 2008 có thể mức CPI sẽ cao gấp đôi năm 2007 ; về xu hướng giá cả, sẽ tiếp tục có sự giảm giá các hàng trong diện cắt giảm thuế trong khuôn khổ WTO gắn với thị trường và cạnh tranh đầy đủ, sẽ có sự tăng giá ở những mặt hàng thuộc diện được "giải phóng" khỏi sự kiểm soát giá cả từ phía Nhà nước, như điện, xăng dầu, thuốc và sắt thép, cũng như các dịch vụ dân sinh, nhất là các dịch vụ đô thị...); còn giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm sẽ vừa phụ thuộc nhiều vào thời tiết và sâu bệnh ở trong nước, vừa phụ thuộc giá thế giới. Sự cải thiện những động thái này tuỳ thuộc trực tiếp và gián tiếp vào khả năng của Chính phủ trong việc chẩn bệnh đúng và sự lựa chọn đúng trọng tâm, cũng như sự phối hợp đồng bộ của các giải pháp chống lạm phát và phát triển bền vững nền kinh tế-xã hội đất nước như là một chuỗi bài toán khó với khá nhiều nghịch lý và các tác động 2 mặt đan xen phức tạp, cùng với các «phản ứng phụ» khó lường.

Trong bối cảnh trên, Chính phủ đã có nhiều cố gắng và đã có một số kết quả về kiềm chế lạm phát. Chính sách điều hành giá của Chính phủ đã mang tính thị trường và "sốc hơn" thông qua việc vừa giải kiểm soát hành chính, vừa có duy trì khung trần một loạt giá đầu vào quan trọng của nền kinh tế (như giá điện, xăng dầu, than...); Thực hiện chính sách tài chính - tiền tệ thắt chặt hơn (nâng mức dự trữ bắt buộc, nâng lãi suất tín dụng và khống chế hạn mức tín dụng, khống chế linh hoạt hơn biên độ tỷ giá và biên độ giao dịch trên thị trường chứng khoán); Đồng thời, đã sử dụng công cụ thuế nhập khẩu các mặt hàng như xăng, dầu, linh kiện ôtô và hàng xa xỉ một cách chủ động và linh hoạt, bám sát biến động thị trường cả trong và ngoài nước hơn. Ngoài ra, đã có sự chỉ đạo tập trung, nhất quán hơn và sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ hơn giữa các cấp, các ngành và địa phương trong quá trình điều hành giá. Đặc biệt, Chính phủ đã dũng cảm nhận thức lại mục tiêu ưu tiên trước mắt là kiềm chế lạm phát, kể cả phải giảm bớt tốc độ tăng trưởng GDP. Với tinh thần đó, Chính phủ đang chỉ đạo quyết liệt việc hạn chế, giãn tiến độ, cắt giảm các hạng mục đầu tư từ vốn ngân sách Nhà nước (NSNN) chưa cấp bách hoặc không hiệu quả, buộc các tập đoàn và tổng công ty Nhà nước xem xét điều chỉnh cơ cấu và tránh đầu tư dàn trải, tăng cường tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, cũng như chống đầu cơ và đảm bảo cân đối cung - cầu những vật tư quan trọng và mặt hàng thiết yếu (như điện, than, xăng, dầu, xi măng, sắt, thép, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc chữa bệnh và lương thực). Ngoài ra, nhiều hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ tài chính cho các tầng lớp dân cư và sinh viên nghèo, đảm bảo an sinh xã hội cũng được quan tâm...

Nhờ vậy, về cơ bản nền kinh tế đất nước được giảm xóc, giữ được sự sự ổn định cần thiết và nhận được các xung lực tích cực để tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XII, ngày 06 tháng 5 năm 2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng thẳng thắn thừa nhận rằng, bên cạnh những mặt mạnh, mặt tích cực, thì những yếu kém vốn có của nền kinh tế nước ta càng bộc lộ rõ hơn và tác động sâu rộng hơn do *những yếu kém, bất cập trong quản lý, điều hành của Chính phủ*, thể hiện trên các khía cạnh: *Một mặt,* thực hiện chính sách tài chính - tiền tệ nới lỏng trong nhiều năm, nhất là trong năm 2007, làm tổng phương tiện thanh toán và tổng dư nợ tín dụng tăng cao; Chính sách và giải pháp quản lý chưa hướng mạnh việc đầu tư phát triển của toàn xã hội vào đầu tư chiều sâu, tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng, cải thiện chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, khiến hiệu quả đầu tư thấp, gây áp lực trực tiếp đến lạm phát...; *Mặt khác*, khi chuyển sang thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ để ưu tiên kiềm chế lạm phát thì xử lý cụ thể chưa thật thích hợp và đồng bộ, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan nên đã làm nảy sinh những khó khăn mới. Quản lý Nhà nước đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng, nhất là việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại còn nhiều bất cập, kém hiệu quả, để nhiều ngân hàng cổ phần tăng dư nợ tín dụng quá cao và sử dụng tỷ lệ lớn vốn ngắn hạn cho vay dài hạn, cho vay kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản, gây khó khăn cho việc quản lý và ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành tỷ giá, nhất là tỷ giá đồng Việt Nam với đô la Mỹ chưa thật linh hoạt, phù hợp. Vai trò của Nhà nước trong quản lý thị trường (trong đó có thị trường chứng khóan, thị trường bất động sản) và quản lý giá cả, quản lý xuất nhập khẩu còn nhiều bất cập, chậm đề ra các chính sách thích hợp, có hiệu quả để quản lý và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của các hoạt động này. Việc kiên trì thực hiện giá cả theo cơ chế thị trường là chủ trương đúng đắn và cần thiết, nhưng trong điều hành, có lúc, có việc chưa thật hợp lý. Các giải pháp chống đầu cơ, buôn lậu hiệu quả chưa cao. Công tác nghiên cứu dự báo và thông tin thị trường chưa được coi trọng đúng mức. Năng

lực tham mưu tổng hợp về kinh tế vĩ mô chưa đáp ứng kịp yêu cầu quản lý điều hành. Công tác thông tin tuyên truyền, giải thích tình hình vẫn chưa kịp thời, chưa đủ rõ và thiếu nhất quán, nhất là trước những diễn biến mới và khi ban hành các chính sách, giải pháp có tính nhạy cảm, gây tâm tư lo lắng trong xã hội. Chưa quản lý và chỉ đạo tốt các phương tiện thông tin đại chúng tham gia thiết thực, hiệu quả trong việc thực hiện những nhiệm vụ cấp bách, quan trọng của đất nước...

Thực tế cho thấy, trong thời gian tới, sự thành công của các giải pháp kiềm chế lạm phát và nâng cao chất lượng phát triển kinh tế ở Việt Nam tùy thuộc rất lớn vào việc tháo gỡ những "nút thắt" sau đây:

***Thứ nhất**, tuân thủ đúng cả yêu cầu, lẫn quy trình của kinh tế thị trường trong quản lý giá cả.*

Thực tiễn chỉ ra rằng, nếu chỉ trả giá cả về cho thị trường, mà không trả sự cạnh tranh cần thiết về cho thị trường trong việc hình thành giá cả, là dễ tạo ra sự lạm dụng và mang lại lợi ích độc quyền kép cho các doanh nghiệp đang hoặc gần như độc quyền kinh doanh các mặt hàng này. Nói cách khác, hiện chúng ta đang bất cập ở chỗ chưa thực sự cho cạnh tranh thị trường đầy đủ trong việc cung cấp nhiều mặt hàng như xăng, dầu, điện, ôtô, thuốc chữa bệnh v.v...trong khi các doanh nghiệp cung ứng chúng lại được phép định giá theo thị trường. Đáng lẽ cần làm ngược lại, phải cho cạnh tranh đầy đủ trên thị trường rồi Nhà nước mới buông giá, để bàn tay vô hình của thị trường làm đúng chức năng của mình. Vì vậy, cần sớm thiết lập cơ chế thị trường cạnh tranh đầy đủ có sự kiểm soát một cách hiệu quả đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chưa tự do hóa cao như ngành than và kinh doanh xăng dầu, và một số mặt hàng khác, mà cụ thể là phải tạo ra sự cạnh tranh đầy đủ và lành mạnh trong việc cung cấp các sản phẩm và nguyên, nhiên liệu đầu vào thiết yếu của nền kinh tế, rồi mới bãi bỏ sự kiểm soát hành chính về giá cả. Đồng thời, cần nâng cao năng lực của Chính phủ trong công tác giám sát, kiểm soát và xử lý sự độc quyền các vi phạm về giá từ phía các doanh nghiệp và các bên có liên quan. Trước mắt, cần tăng cường công tác kiểm toán giá và các chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp độc quyền hoặc gần như độc quyền để giảm thiểu các chi phí không hợp lý, làm giảm giá thành đầu ra của các sản phẩm, từ đó giúp giảm giá đầu vào của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần hạ mức giá chung và nâng cao sự lành mạnh của thị trường và sự bình đẳng của xã hội. Về nguyên nhân sâu xa và suy rộng hơn, chúng ta cần xử lý mang tính hệ thống hơn, đặc biệt cần sớm khắc phục một số những vướng mắc, mâu thuẫn trong nhận thức về quyền lực chủ quan của Nhà nước với sức mạnh thị trường khách quan.

***Thứ hai**, coi trọng tính đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm của các mục tiêu, loại công cụ chính sách và sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng hữu quan...*

Trước tiên cần phải giải quyết căn bản lạm phát tiền tệ và lạm phát cầu kéo, song trên thực tế điều này chưa được coi là điểm ưu tiên. Nhiều giải pháp đã được thực hiện, nhưng mới ở mức độ " câu chùm", thăm dò, là "đơn thuốc chữa bách bệnh", chưa có trọng tâm, trọng điểm, thậm chí dừng ở chủ trương và khuyến nghị, mà thiếu cơ chế tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Nói cách khác, ít nhiều (nhất là trong thời gian đầu) Chính phủ còn bị lúng túng trong nhận diện và xử lý kỹ thuật khi thực hiện chống lạm phát mang tính chất cả gói, chưa có mục tiêu và giải pháp trọng tâm. Thời gian đầu, Chính phủ mới chỉ tập trung vào các giải pháp về tài chính, còn nhóm giải pháp về tiền tệ thì khá mờ nhạt. Đặc biệt, nguyên tắc lãi suất tiền gửi thực dương chưa được coi trọng trong suốt gần 2 năm nay luôn chỉ bằng khoảng 2/3-3/4 mức lạm phát (trong khi lại gần như thả nổi lãi suất cho vay). Kinh nghiệm thế giới cho thấy, chỉ khi nào có lãi suất thực dương thì mới đảm bảo duy trì lạm phát ở mức dưới 1 chữ số mong muốn (nước Mỹ hiện có mức lãi suất của FED- Cục dự trữ Liên bang – cao gấp đôi mức lạm phát trong nước Mỹ). Bài học về vấn đề này chúng ta đã rất rõ và thực hiện thành công trong những năm cuối 80 - đầu 90 của thế kỷ XX. Ngoài ra, còn cần thấy rằng, nếu nhìn nhận từ năm 1992 đến nay, khi chúng ta cải cách hệ thống ngân hàng theo mô hình 2 cấp, gồm Ngân hàng Trung ương và các ngân hàng thương mại, thì các ngân hàng Việt Nam đã có sự kiện toàn,

cải thiện khá rõ rệt cả về mô hình, phương thức hoạt động.. . Nhưng thời gian gần đây, hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng còn nhiều bất cập về "sức khỏe" - theo nghĩa là lành mạnh tài chính và hiệu quả kinh doanh. Thực tế cho thấy, trước những vấn đề lớn của hệ thống ngân hàng quốc tế, hệ thống ngân hàng Việt Nam cần chủ động rà soát lại theo hướng lành mạnh hóa tài chính, tái cấu trúc lại để hình thành những tập đoàn ngân hàng lớn mạnh hơn, được quản lý chuyên nghiệp hơn, giám sát chặt chẽ hơn thay vì hàng trăm ngân hàng nhỏ lẻ như hiện nay; Đồng thời, phát triển hệ thống thông tin kinh doanh liên quan đến nợ và khách hàng, bảo đảm cập nhật, công khai và phổ biến rộng rãi, cảnh báo kịp thời mức độ an toàn và an ninh ngân hàng... Thời gian qua, đã có một làn sóng thành lập các ngân hàng mới và mở rộng hoạt động tín dụng, đặc biệt là từ các tập đoàn kinh tế Nhà nước. Theo đó, các hoạt động đầu tư chéo, đầu tư mở rộng, hạ thấp các chuẩn mức an toàn tín dụng... đã xuất hiện và nếu không sớm được nhận diện và kiểm soát thì có thể gây ra những đổ vỡ hàng loạt cho toàn hệ thống. Quản lý hiệu quả đầu tư gián tiếp nước ngoài và thực hiện theo xu hướng công khai, lành mạnh hóa nợ của hệ thống ngân hàng toàn cầu cũng là một thách thức mới và lớn cho Việt Nam trong quá trình hội nhập vào thị trường tài chính - tín dụng và phòng chống khủng hoảng quốc tế.

Việc nghiêng về phát hành trái phiếu quốc tế hoặc chậm phát hành trái phiếu trong nước bằng đồng ngoại tệ để thu hút ngoại tệ và lượng tiền dư thừa trong lưu thông cũng là là một bất cập khác...

Ngoài ra, mặc dầu Chính phủ đã có nhiều quyết tâm và chỉ đạo cần thiết trong công tác quản lý giá, trong đó có việc áp dụng các chế tài đối với các vi phạm về giá, nhưng có thể thấy hiệu quả của các biện pháp chế tài xử lý những vi phạm về giá hiện nay là rất hạn chế, chưa đủ sức răn đe.

Để bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh giá tăng, nhất là tăng không theo quy luật, thì vai trò trước hết thuộc về Nhà nước. Điều này cần được cụ thể hóa bằng chính sách tiền lương mềm dẻo hơn, chính sách quản lý thị trường nghiêm khắc và hiệu quả hơn, chính sách an sinh xã hội đầy đủ, đa dạng và thiết thực hơn; Đặc biệt, cần giải quyết được bài toán tăng lương, nhất là để tránh khỏi vòng luẩn quẩn định mệnh: Tăng lương - Tăng giá - Tăng lương... Không nên biến việc tăng lương thành các làn sóng toàn xã hội, mà hãy trả chuyện tăng lương thành chuyện bình thường và mang yếu tố thị trường của từng khu vực, ngành, công đoàn và của doanh nghiệp trong sự trọng tài và kiểm soát chung của Chính phủ, cũng như sự tham gia tích cực hơn của các hiệp hội và công đoàn. Việc Chính phủ sẽ (từ năm 2009) định kỳ hàng năm họp với các cơ quan và tổ chức hữu quan nhằm xem xét việc điều chỉnh lương chính là một bước tiến bộ đáng kể theo hướng đó. Đồng thời, bên cạnh việc thúc đẩy sản xuất trong nước, thì việc giảm nhanh thuế nhập khẩu và khuyến khích nhập khẩu bổ sung các mặt hàng đang khan hiếm, cũng như khuyến khích điều chỉnh cơ cấu và quy mô tiêu dùng chung bằng các mặt hàng và sản phẩm thay thế tương đương, giá rẻ hơn hoặc dễ tìm kiếm hơn, là việc làm cần thiết cho các bên có liên quan. Quan trọng nhất là cần có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong việc dự báo và đưa ra phương án, thực thi các chính sách và giải pháp phòng ngừa việc tăng giá. Trong thời gian tới, cần tăng cường hơn nữa các hoạt động điều chỉnh nâng mức phạt tài chính đối với các vi phạm về giá. Ngoài ra, cần áp dụng thêm các chế tài hành chính, như kỷ luật, cách chức, cấm đảm đương trách nhiệm và cả xử lý hình sự nghiêm khắc khác đối với người đứng đầu và có liên đới trách nhiệm khác. Công tác kiểm toán giá bằng các công ty chuyên nghiệp, đủ tiêu chuẩn cần được coi trọng và thực hiện nghiêm túc, phổ biến và thường xuyên hơn

Về dài hạn, yêu cầu về tổ chức lại nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước sẽ cấp thiết hơn nhằm tăng sự hợp tác, gắn kết, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, cũng như toàn bộ nền kinh tế.

Thứ ba, *nâng cao chất lượng công tác dự báo kinh tế để chủ động kiểm soát lạm phát hiệu quả hơn.*

Cần coi trọng đúng mức và phân biệt rạch ròi giữa yêu cầu dự báo khách quan với mục tiêu chính sách và ý chí chủ quan. Dự báo cần bám sát, cập nhật và đưa ra các cảnh báo cần thiết về các biến động thị trường khách quan trong nước và quốc tế. Đồng thời, cần coi trọng dự báo tác động 2 mặt của chính sách theo yêu cầu quản lý kinh tế thị trường. Việc dự báo, đánh giá tác động 2 mặt tích cực và tiêu cực cả về xu hướng định tính, lẫn về định lượng của việc áp dụng các chính sách và định mức cụ thể trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước là rất quan trọng, nhất là với những mặt hàng đầu vào nhạy cảm của đời sống kinh tế- xã hội đất nước. Cả về lý thuyết, lẫn thực tế đều cho thấy, xuất phát từ lợi ích hoặc mục tiêu cục bộ hạn hẹp của ngành và đơn vị mình, cũng như cả từ các sức ép đa chiều khác, các cá nhân hoặc tổ chức được phân công thực hiện dự báo, nếu có lợi ích gắn liền hoặc bị chi phối cao bởi các đơn vị kinh doanh độc quyền nêu trên, chắc chắn trong quá trình tiến hành và công bố kết quả dự báo sẽ khó bảo đảm việc tính đúng, tính đủ và công khai các tác động 2 mặt.

Việc thành lập bổ sung mạng lưới các cơ quan có chức năng chuyên trách xây dựng, phản biện và đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý Nhà nước các cấp từ TW xuống các địa phương, trước hết là các phòng chính sách và dự báo kinh tế ở các Sở kinh tế tham mưu tổng hợp cho chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (như Sở KH&ĐT, Sở Tài chính...) là cần thiết để khắc phục các hạn chế này, nhất là trong việc sớm phát hiện các bất cập, ngăn chặn sự lạm dụng và đề xuất các bổ sung cần thiết kịp thời cho các chính sách mà trung ương đã ban hành.

Ngoài ra, cần coi trọng việc xây dựng hệ thống số liệu và dữ liệu thông tin chuyên ngành trực tiếp phục vụ công tác dự báo kinh tế; khắc phục tình trạng phân tán, chia cắt, rời rạc, đóng băng và thiếu chuẩn hóa thống nhất giữa các nguồn và đơn vị quản lý thông tin, nhất là không được phổ biến rộng rãi, công khai, gây khó khăn và đắt đỏ cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu tiếp cận, khai thác và sử dụng các thông tin này, cũng như tạo ra những cơ hội thu lợi bất chính cho các tổ chức và cá nhân quản lý các thông tin đó, đồng thời làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế và gia tăng sự lãnh phí các nguồn lực xã hội. Chính phủ cần có nghị quyết chuyên đề về việc xây dựng hệ thống thông tin và dữ liệu kinh tế các cấp, cả về hệ thống các chỉ tiêu, bộ máy tổ chức và kinh phí thường xuyên, cũng như cơ chế khai thác tài nguyên thông tin quốc gia này một cách minh bạch, công khai và thuận lợi, giá rẻ, dựa trên các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, nhằm phục vụ các nhu cầu về thông tin kinh tế nói chung, phục vụ công tác dự báo kinh tế nói riêng. Với tinh thần đó, các chỉ tiêu cần thiết phục vụ dự báo kinh tế cần được đưa bổ sung vào hệ thống số liệu thống kê kinh tế chính thức hàng năm của ngành thống kê. Cần nhấn mạnh rằng, việc làm tốt công tác xây dựng chuỗi số liệu cần thiết trong các chỉ tiêu thống kê quốc gia và chuyên ngành hàng năm tự nó cũng có giá trị dự báo và cảnh báo rất cao trong quản lý kinh tế Nhà nước các cấp.

Ngoài ra, cần đảm bảo tính chuyên nghiệp và sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng và các loại công cụ dự báo, giữa công tác dự báo với công tác tổ chức thực hiện. Dự báo tốt giúp các cơ quan quản lý Nhà nước nâng cao hiệu quả điều hành thực tiễn. Còn việc bám sát thực tiễn điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước sẽ giúp công tác dự báo thêm cơ sở tin cậy và mềm dẻo, chính xác hơn.

***Thứ tư**, cải cách căn bản khu vực DNNN, nâng cao hiệu quả tài chính công.*

Kết quả chống lạm phát và phát triển kinh tế còn tùy thuộc rất lớn vào việc cắt giảm các chi tiêu công không mang tính sản xuất và không phục vụ cho các mục tiêu bảo đảm xã hội, cũng như việc cải thiện căn bản cơ cấu và hiệu quả sử dụng vốn vay của khối các đại gia tổng công ty và tập đoàn DNNN, mà hiện đang chiếm giữ tới hơn 50% vốn đầu tư Nhà nước, 70% tổng dư nợ quốc gia và hơn 80% tổng dư nợ tín dụng. Chắc chắn lạm phát (bao gồm cả lạm phát tiền tệ, lẫn lạm phát cơ cấu và lạm phát chi phí đẩy) sẽ gia tăng áp lực nếu không ngăn chặn kịp thời "sự liên minh ma quỷ" giữa các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước với các ngân hàng thương mại Nhà nước và các quan chức có liên quan trong việc vay và cho vay vốn, đầu tư chéo, đầu tư đa ngành hàng ngàn tỷ đồng mang nặng tính đầu cơ, trục lợi cá nhân hoặc phe nhóm, lũng đoạn thị trường và lãng phí các nguồn lực quốc gia.

Điều quan trọng là quá trình thu hẹp khu vực Nhà nước phải được tiến hành đồng thời với quá trình khuyến khích phát triển khu vực kinh tế ngoài Nhà nước. Cho phép và hỗ trợ sự hình thành những tập đoàn kinh tế mạnh trong khu vực Nhà nước, lẫn cả trong khu vực phi Nhà nước, sao cho chúng đủ sức trở thành đối tác bình đẳng với các công ty nước ngoài không chỉ trên thị trường nội địa, mà còn cả trên thị trường khu vực và quốc tế.

Để tiến tới cân bằng vững chắc NSNN, cần đặc biệt coi trọng việc bịt chặt những lỗ hổng thất thu, thất thoát NSNN qua mọi kênh, hình thức (nhất là thất thu từ thuế và thất thoát từ các dự án đầu tư Nhà nước do cơ cấu đầu tư chưa phù hợp và sử dụng vốn đầu tư kém hiệu quả, do những chi phí gián tiếp, những thiệt hại gắn với tình trạng tham nhũng và cơ chế đấu thầu thực hiện dự án đầu tư còn chưa hoàn thiện và thiếu công khai.

Về dài hạn, cần chuyển nhanh từ mô hình "Nhà nước – nhà đầu tư lớn nhất" và phát triển chủ yếu theo bề rộng hiện nay, sang mô hình "Nhà nước – nhà quản lý công" và phát triển theo bề sâu, đi đôi với việc chuyển nguồn động lực chính trong đầu tư phát triển kinh tế từ khu vực kinh tế Nhà nước sang khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, phù hợp tinh thần cốt lõi của công cuộc đổi mới và theo xu hướng chung trên thế giới.

***Thứ năm**, coi trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả cuộc đấu tranh với tệ nạn tham nhũng:* Đối với Việt Nam, có thể nói, tham nhũng và lạm phát có quan hệ qua lại trực tiếp và chặt chẽ với nhau. Tham nhũng làm thất thu và thất thoát, cũng như làm giảm hiệu quả chi NSNN. Tham nhũng làm nản lòng các nhà đầu tư trong và ngoài nước, làm giảm hiệu lực những luật định quản lý kinh tế - xã hội (nhất là với chính sách chống đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả...), gia tăng tình trạng rối loạn kỷ cương xã hội, mất đoàn kết và uy tín quốc gia. Tham nhũng gây cản trở cho sự vận hành thông suốt của nền kinh tế với tư cách một chỉnh thể tự nhiên. Nói như nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt thì: Không phải tình trạng lạc hậu hay sự đe dọa xâm lược từ bên ngoài vào, mà chính tham nhũng đang là trở ngại lớn nhất, thách thức lớn nhất, kẻ thù nguy hiểm nhất từ bên trong đối với công cuộc đổi mới và phát triển ở Việt Nam. Như vậy, tham nhũng làm tăng các xung lực lạm phát và làm trầm trọng thêm những hậu quả của lạm phát, làm giảm kết quả những chính sách chống lạm phát của Chính phủ. Vì thế, một chính sách chống lạm phát triệt để của Việt Nam trong tương lai không thể không bao hàm nội dung chống tham nhũng triệt để.

Thứ sáu, trọng dụng người tài là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự thành công của chính sách chống lạm phát và phát triển bền vững.

Việt Nam không thiếu vốn và tài nguyên (cả vật chất, lẫn nguồn nhân lực), không thiếu các cơ hội kinh doanh cả trong và ngoài nước, nhưng hiện đang thừa lao động vì thiếu một cơ chế đào tạo, tập hợp và trọng dụng nhân tài - tức những lao động có trình độ cao, các nhà khoa học, các chuyên gia cao cấp, các nhà tổ chức và kinh doanh tài ba... trong tất cả các lĩnh vực: nghiên cứu, tư vấn, hoạch định chính sách và quản lý Nhà nước, cũng như trong kinh doanh và quản lý kinh doanh. Họ chính là những nhà thiết kế, tổ chức và trực tiếp sử dụng tốt nhất các yếu tố về lao động, vốn, tài nguyên và cơ hội kinh doanh nói trên. Hoạt động của họ sẽ là chất keo kết dính các nhân tố, và tạo ra động lực mạnh mẽ hàng đầu cho sự phát triển đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại.

Cơ chế đào tạo, tập hợp và trọng dụng nhân tài đó trong tương lai phải bao hàm những khía cạnh sau:

Tạo sự di chuyển chất xám tự do trong thị trường lao động theo "quy luật tối ưu" của tự nhiên: Nhân tài chỉ định hình, phát triển và tìm đến những nơi nào thỏa mãn các điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho nó (lương, điều kiện học tập, lao động, khả năng tiếp cận các thông tin và công nghệ mới, sự tôn trọng về tinh thần...). Bảo đảm nguyên tắc "người nào - việc nấy". Không thể để tiếp diễn tình trạng người biết làm việc thì không có việc làm, người được làm việc lại không biết cách hoặc làm việc kém hiệu quả. Các quan chức hành chính không thể đứng thay vào vị trí của các nhà kinh doanh thực thụ.

Các thang bậc giá trị xã hội phải có sự thay đổi: Không chỉ các vị lãnh đạo Nhà nước, mà cả các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, doanh nhân, lao động lành nghề, các chuyên gia trong mọi lĩnh vực ngành nghề kinh tế - xã hội đều phải được tôn trọng và đối xử như nhau trong dư luận xã hội và trong thụ hưởng lợi ích vật chất tương xứng với tài năng và đóng góp có ích cho xã hội của họ. Loại hình lao động quản lý làm thuê cần được coi trọng phát triển để đáp ứng nhu cầu về giám đốc cho các công ty cổ phần (kể cả cho các DNNN) tương lai trong nền kinh tế nước ta.

Phát hiện, lựa chọn và sử dụng đúng những nhân tài đầu đàn: Nhân tài loại nào cũng có thứ bậc và chỉ người tài mới biết phát hiện, tôn trọng và sử dụng hiệu quả người tài. Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, trong 1.000 trí thức chỉ có 2 đầu đàn. Còn toàn bộ sự phát triển của Cộng hòa Triều Tiên là dựa trên vai mấy trăm nhân tài lớn của đất nước này. Nếu chọn sai đầu đàn thì cả đội ngũ sẽ kém hiệu lực. Cần tái lựa chọn liên tục, lấy hiệu quả công việc làm cơ sở đánh giá và lựa chọn chứ không phải bằng cấp, học vị, chức tước.

Trong mọi thời kỳ phát triển của đất nước, phải bảo đảm duy trì nguyên tắc mọi lao động trong xã hội đều sống được bằng lao động chuyên môn của mình: Lợi ích kinh tế cá nhân phải được tôn trọng cùng với lợi ích cộng đồng và xiết chặt kỷ luật lao động. Không chỉ sử dụng biện pháp giáo dục hành chính, mà còn cần dùng cả biện pháp cạnh tranh - thất nghiệp để nâng cao hiệu quả và kỷ luật lao động. Tăng cường kiểm tra, thanh lọc và trừng phạt những lao động lười biếng, gian dối, kém hiệu quả. Kỷ luật lao động và kỷ luật tiết kiệm chính là những giọt xăng quý cho cỗ xe kinh tế Việt Nam tiến nhanh về phía trước. Thực tiễn cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực vừa qua cho thấy, sự tồn tại đông đảo lực lượng lao động có thu nhập thấp, kém đào tạo tay nghề và những người nghèo khổ, trong khi hệ thống an sinh xã hội chưa được coi trọng phát triển sẽ luôn luôn là nguồn xung lực tiềm tàng gây ra sự bất ổn về kinh tế xã hội, thậm chí đe doạ sự tồn tại của cả chế độ chính trị của bất kỳ quốc gia nào■

Tài liệu tham khảo

1. Võ Đại: Chống lạm phát và quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Nhà Xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1991.

2. Niên giám thống kê 1981-2007. Nhà Xuất bản Tổng cục Thống kê

3. Chính sách chống lạm phát: Kinh nghiệm các nước Đông Âu, Trung Quốc và Việt Nam. NXB khoa học Matxcơva năm 1991.

4. Grinbe Rutxlan Semiêvich - "Lạm phát và cuộc đấu tranh với lạm phát ở các nước Trung và Đông Âu". - Luận án tiến sĩ tại Viện Hàn lâm khoa học liên bang Nga năm 1995.

5. Lạm phát trong chủ nghĩa tư bản hiện đại. NXB "Tài chính" - Matxcơva 1980.

6. Dwight H.Perkins, David D.Dapice, Jonathan H.Haughton "Việt Nam - cải cách theo hướng rồng bay" - NXB chính trị quốc gia Hà nội 1994.

7. TS.Nguyễn Minh Phong - Lạm phát & Giảm phát - Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam - NXB Lý luận chính trị. Hà Nội-2000.